Chi tiết mã HS 8713.10.00

Mã HS	8713.10.00
Mô tả hàng hóa	Các loại xe dành cho người tàn tật, có hoặc không lắp động cơ hoặc cơ cấu đẩy cơ khí khác / - Loại không có cơ cấu đẩy cơ khí
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 00:07:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87131000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17655
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17655
Thuế GTGT (VAT)	*/8/10	* / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17655
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16974
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16903
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16903
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16903
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16903
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16903
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16903
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E16959
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F16959
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G16959

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H16959
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I16959
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J16959
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E16960
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F16960
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G16960
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H16960
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I16960
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J16960
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F16965
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16920
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F16917
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G16917
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H16917
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I16917
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J16917
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K16917
VKFTA	2022	2022	0	VK!E16963
VKFTA	2023	2023	0	VK!F16963
VKFTA	2024	2024	0	VK!G16963
VKFTA	2025	2025	0	VK!H16963
VKFTA	2026	2026	0	VK!I16963
VKFTA	2027	2027	0	VK!J16963
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17025
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17025
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17025

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17025
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17025
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17025
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17001
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17001
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17001
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17001
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17001
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17001
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D16996
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E16996
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F16996
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G16996
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H16996
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I16996
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17026
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17026
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17026
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17026
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17026
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17026
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17025
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17025
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17025
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17025
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17025

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17025
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17119
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17119
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17119
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17119
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17119
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17119
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17119
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D16988
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E16988
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F16988
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G16988
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H16988
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I16988
RCEP B	2022	2022	0	B!D16988
RCEP B	2023	2023	0	B!E16988
RCEP B	2024	2024	0	B!F16988
RCEP B	2025	2025	0	B!G16988
RCEP B	2026	2026	0	B!H16988
RCEP B	2027	2027	0	B!I16988
RCEP C	2022	2022	0	C!D16986
RCEP C	2023	2023	0	C!E16986
RCEP C	2024	2024	0	C!F16986
RCEP C	2025	2025	0	C!G16986
RCEP C	2026	2026	0	C!H16986
RCEP C	2027	2027	0	C!I16986

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D16985
RCEP D	2023	2023	0	D!E16985
RCEP D	2024	2024	0	D!F16985
RCEP D	2025	2025	0	D!G16985
RCEP D	2026	2026	0	D!H16985
RCEP D	2027	2027	0	D!I16985
RCEP E	2022	2022	0	E!D16989
RCEP E	2023	2023	0	E!E16989
RCEP E	2024	2024	0	E!F16989
RCEP E	2025	2025	0	E!G16989
RCEP E	2026	2026	0	E!H16989
RCEP E	2027	2027	0	E!I16989
RCEP F	2022	2022	0	F!D16988
RCEP F	2023	2023	0	F!E16988
RCEP F	2024	2024	0	F!F16988
RCEP F	2025	2025	0	F!G16988
RCEP F	2026	2026	0	F!H16988
RCEP F	2027	2027	0	F!I16988
VIFTA	2024	2024	0	VI!F15932
VIFTA	2025	2025	0	VI!G15932
VIFTA	2026	2026	0	VI!H15932
VIFTA	2027	2027	0	VI!I15932

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8713.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8713.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17655), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.